

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Bùi Thị D và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị D, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1985 tại xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm Y, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Thanh K và bà Bùi Thị C; có chồng là Bùi Văn K và 01 con gái sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2020 đến ngày 23/11/2020; bị cáo tại ngoại; “Có mặt”

2. Bùi Văn N, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1989 tại xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị S; có vợ là Bùi Thị D và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, “Có mặt”.

3. Bùi Thị Q, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1972 tại xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm Y, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn A (đã chết) và bà Bùi Thị U; có chồng là Bùi Văn D (đã chết) và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; “Có mặt”.

4. Lê Thị H, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1987 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế T và bà Phạm Thị P; có chồng là Bùi Văn C và 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/10/2020 đến ngày 05/11/2020; bị cáo tại ngoại; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị D*: Ông Nguyễn Hữu D, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn N và Bùi Thị Q*: Bà Lê Thị Hải T, Luật sư, Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình; “Vắng mặt”; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: Bùi Văn T.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo: Nguyễn Thùy N, Bùi Văn H, Bùi Thị H, Bùi Văn L, Bùi Văn T1, Bùi Văn X, Bùi Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở có mối quan hệ quen biết từ trước, Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H, Bùi Văn T thực hiện việc mua, bán số lô, số đề được thua bằng tiền, gồm: Số đề 02 số, số đề 03 số, số lô thường, lô xiên 02, lô xiên 03, lô xiên 04. Các bị cáo đã thống nhất sử dụng điện thoại di động, nhắn tin qua mạng xã hội Zalo để mua, bán số lô, số đề; số tiền thắng, thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày. Việc thanh toán tiền thắng thua do các bên tự thỏa thuận, có thể thanh toán trực tiếp hoặc có thể ngày hôm sau thanh toán hoặc cũng có thể một thời gian mới thanh toán, cụ thể:

+ Đối với số đề 02 số sẽ căn cứ vào 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu số đề 02 số trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì sẽ trúng thưởng và tiền

trúng thưởng sẽ gấp 70 lần số tiền đã mua số đề, nếu số đề không trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì người mua số đề sẽ bị mất số tiền đã mua. Đối với đề 03 số sẽ căn cứ vào 03 số cuối của giải đặc biệt, nếu số đề 03 số trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì sẽ trúng thưởng và tiền trúng thưởng sẽ gấp 400 lần số tiền đã mua số đề, nếu số đề không trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì người mua số đề sẽ bị mất số tiền đã mua.

+ Đối với số lô thường (lô 02 số) thì tính theo điểm, một điểm lô thường có giá là 23.000 đồng (giá do các đối tượng đánh lô, đề tự thỏa thuận đặt ra); nếu số lô đã mua trùng với 02 số cuối của 01 trong 27 số của kết quả xổ số miền bắc mở thưởng trong ngày (tính từ giải đặc biệt đến giải bảy) thì sẽ trúng thưởng, 01 điểm lô trúng thưởng sẽ được người bán trả 80.000 đồng; nếu số lô đã mua trùng với 02 số cuối của nhiều hơn 01 số trong bảy giải thì sẽ tính là nháy, số nháy trúng thưởng sẽ nhân với số điểm đã mua và nhân với 80.000 đồng.

+ Đối với lô xiên 2 (gồm 02 cặp số) thì một điểm có giá là 10.000 đồng, tiền trúng thưởng sẽ căn cứ vào 02 cặp số cuối của 01 trong 27 số của kết quả xổ số miền bắc mở thưởng trong ngày (tính từ giải đặc biệt đến giải bảy), nếu 02 cặp số đã mua trùng với 02 cặp số cuối của 27 giải thì trúng thưởng, tiền trúng thưởng sẽ gấp 10 lần tiền mua. Đối với lô xiên 3 (gồm 03 cặp số) thì một điểm có giá là 10.000 đồng, tiền trúng thưởng sẽ căn cứ vào 03 cặp số cuối của 27 giải (tính từ giải đặc biệt đến giải bảy), nếu 03 cặp số đã mua trùng với 03 cặp số cuối của 27 giải thì trúng thưởng, tiền trúng thưởng sẽ gấp 40 lần tiền mua. Đối với lô xiên 4 (gồm 04 cặp số) thì một điểm có giá là 10.000 đồng, tiền trúng thưởng sẽ căn cứ vào 04 cặp số cuối của 27 giải (tính từ giải đặc biệt đến giải bảy), nếu 04 cặp số đã mua trùng với 04 cặp số cuối bất kỳ của 27 giải thì trúng thưởng, tiền trúng thưởng sẽ gấp 100 lần tiền mua.

Khi mua bán số lô, số đề với nhau thông qua tin nhắn Zalo, người mua không phải trả tiền ngay cho người bán, mà chỉ báo các số lô, số đề cần mua và tiền mua từng số; sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người bán sẽ tổng hợp lại tiền trúng thưởng của từng người mua, trừ đi số tiền đã mua, sau đó sẽ thanh toán với nhau. Việc thanh toán tiền thắng thua do các bên tự thỏa thuận, có thể thanh toán trực tiếp hoặc có thể ngày hôm sau thanh toán hoặc cũng có thể một thời gian mới thanh toán.

Các bị cáo và các đối tượng liên quan thỏa thuận với nhau về việc chiết khấu phần trăm hoa hồng khi mua, bán số lô, số đề, cụ thể là người bán sẽ trích lại cho người mua 25% tổng số tiền mua số đề và lô xiên; trích 1.000 đồng đối với mỗi điểm lô (giá lô thị trường do các đối tượng đánh lô, đề tự

đặt ra là 23.000 đồng/điểm), tức là người mua chỉ phải trả tương ứng là 75% tổng số tiền mua số đề và lô xiên; trả 22.000 đồng/điểm lô cho người bán.

Vào ngày 26/10/2020, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với nhau và với những người liên quan đến vụ án như sau:

1. Bị cáo Bùi Thị D.

Ngày 26/10/2020 Bùi Thị D đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh tím đen gắn sim số 0983376055 và 0971613916 của bản thân để nhận tin nhắn trên tài khoản Zalo tên đăng ký là “OPPO” mua bán số lô, số đề cho nhiều người, cụ thể như sau:

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn N với tổng số tiền là 6.295.000 đồng (chưa trừ khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả mở thưởng số tiền trúng thưởng của bị cáo N là 6.400.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn N là 12.695.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Thị Q với tổng số tiền là 2.635.000 đồng (chưa trừ khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả mở thưởng số tiền trúng thưởng của Q là 8.350.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Thị Q là 10.985.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Lê Thị H với tổng số tiền là 6.370.000 đồng (chưa trừ khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả mở thưởng số tiền trúng thưởng của H là 4.000.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Lê Thị H là 10.370.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn T với tổng số tiền là 3.230.000 đồng (chưa trừ khấu phần trăm hoa hồng); sau khi có kết quả mở thưởng số tiền trúng thưởng của T là 3.200.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn T là 6.430.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Nguyễn Thùy N với tổng số tiền là 3.928.000 đồng (chưa trừ khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì N trúng thưởng với tổng số tiền là 400.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Nguyễn Thùy N là 4.328.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn H với tổng số tiền là 2.440.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì H trúng thưởng với tổng số tiền là 1.600.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn H là 4.040.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Thị H với tổng số tiền là 1.971.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì H trúng thưởng với tổng số tiền là 1.840.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Thị H là 3.811.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn L với tổng số tiền là 1.061.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì L không trúng thưởng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn L là 1.061.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn T1 với tổng số tiền là 863.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì T1 không trúng thưởng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn T1 ngày 26/10/2020 là 863.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn X với tổng số tiền là 180.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì X không trúng thưởng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn X là 180.000 đồng.

+ Nhận tin nhắn mua số lô, số đề của Bùi Văn H1 với tổng số tiền là 140.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì H1 không trúng thưởng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Văn H1 là 140.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Bùi Thị D nhận tin nhắn mua số lô, số đề được thua bằng tiền của 11 người trong ngày 26/10/2020 là 54.903.000 đồng.

2. Đối với Bùi Văn N.

Ngày 26/10/2020 Bùi Văn N đã trực tiếp bán nhiều số lô, số đề cho khách đi đường (bị cáo không nhớ tên tuổi, địa chỉ) với tổng số tiền là 6.295.000 đồng, sau đó tổng hợp lại và sử dụng chiếc điện thoại di động của

bản thân để chụp ảnh gửi tin nhắn trên tài khoản Zalo tên tài khoản "Trà Sữa", đến tài khoản Zalo của bị cáo D để chuyển các số lô, số đề nhằm hưởng phần trăm hoa hồng với tổng số tiền là 6.295.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng); sau khi có kết quả mở thưởng bị cáo đã trúng thưởng số tiền là 6.400.000đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và D ngày 26/10/2020 là 12.695.000 đồng.

3. Đối với Bùi Thị Q.

Ngày 26/10/2020 Bùi Thị Q đã trực tiếp bán nhiều số lô, số đề cho khách đi đường (bị cáo không nhớ tên tuổi, địa chỉ) với tổng số tiền 2.635.000 đồng sau đó tổng hợp lại và sử dụng điện thoại di động của bản thân để gửi tin nhắn trên tài khoản Zalo "L B", đến tài khoản Zalo của Bùi Thị D mua số lô, số đề với tổng số tiền là 2.635.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng); sau khi có kết quả mở thưởng thì Q đã trúng thưởng với tổng số tiền là 8.350.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và D ngày 26/10/2020 là 10.985.000 đồng.

4. Đối với Lê Thị H.

Ngày 26/10/2020 Lê Thị H đã trực tiếp bán nhiều số lô, số đề cho khách đi đường (bị cáo không nhớ tên tuổi, địa chỉ) với tổng số tiền là 6.370.000 đồng, sau đó tổng hợp lại và sử dụng chiếc điện thoại của bản thân để chụp ảnh gửi tin nhắn trên tài khoản Zalo "H L" đến tài khoản Zalo của Bùi Thị D mua số lô, số đề với tổng số tiền là 6.370.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng); sau khi có kết quả mở thưởng thì bị cáo đã trúng thưởng với tổng số tiền là 4.000.000đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và Bùi Thị D là 10.370.000 đồng.

5. Đối với Bùi Văn T

Ngày 26/10/2020 Bùi Văn T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu tím đen, có gắn sim số 0916990529 của bản thân để gửi tin nhắn trên tài khoản Zalo (tên đăng ký tài khoản Zalo là "T P", được đăng ký bằng số điện thoại 0916990529) đến tài khoản Zalo của Bùi Thị D mua số lô, số đề với tổng số tiền là 3.230.000 đồng (chưa triết khấu phần trăm hoa hồng); sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng cùng ngày thì bị cáo đã trúng thưởng với tổng số tiền là 3.200.000 đồng; tổng số tiền Đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép giữa bị cáo và bị cáo Bùi Thị D là 6.430.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H, Bùi Văn T phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam (27/10/2020 đến 23/11/2020)

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn N 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Q 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Lê Thị H 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam (27/10/2020 đến 05/11/2020).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T, quyết định phạt bổ sung đối với các bị cáo, truy thu sung quỹ nhà nước số tiền dùng để đánh bạc và số tiền trúng thưởng của các bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2021, bị cáo Bùi Văn N kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và hưởng án treo; ngày 29/9/2021 và ngày 04/10/2021, các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Thị Q, Lê Thị H kháng cáo yêu cầu hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn N rút kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo hưởng án treo; các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Thị Q và Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo hưởng án treo.

Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình: Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H hưởng án treo; đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo Bùi Văn N.

Bào chữa cho bị cáo Bùi Văn D, trợ giúp viên pháp lý nêu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi Thị D mức án 03 năm tù, bị cáo D phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2

Điều 51 BLHS (nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn). Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới (đã nộp đủ 20 triệu đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm); đề nghị áp dụng Điều 65 bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Luận cứ bào chữa cho hai bị cáo Bùi Văn N và Bùi Thị Q theo diện trợ giúp pháp lý, Luật sư Lê Thị Hải T nêu quan điểm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; do hám lợi nên nhất thời phạm tội; dân tộc thiểu số (Mường), sinh sống ở vùng 135 đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật và xã hội có nhiều hạn chế. Bị cáo Bùi Văn N có bố đẻ (Bùi Văn C) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì; ông bà Nội được tặng Bằng vàng danh dự và được công nhận “Gia đình cách mạng gương mẫu”; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bố đã chết, mẹ già thường xuyên đau yếu, hai con còn nhỏ. Đối với bị cáo Bùi Thị Q, bố đẻ và chồng bị cáo đã chết, hai con đang độ tuổi đi học; mẹ già 83 tuổi thường xuyên đau yếu; đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS, cho hai bị cáo được hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn N rút nội dung kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu hưởng án treo. Căn cứ khoản 2 Điều 348 BLTTHS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung rút kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo Bùi Văn N.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H đều đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/10/2020, các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H và Bùi Văn T đã có hành vi mua, bán, số lô, số đề được thua bằng tiền khi không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, sử dụng điện thoại di động để gửi tin nhắn, nhận tin nhắn thông qua mạng xã hội Zalo để mua, bán số lô, số đề. Việc thanh toán tiền thắng thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền

Bắt trong ngày, thanh toán trực tiếp trong ngày, ngày hôm sau hoặc cũng có thể một thời gian sau mới thanh toán.

[2.1] Ngày 26/10/2020, bị cáo Bùi Thị D đã nhận tin nhắn mua số lô, đề của 04 bị cáo là Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H, Bùi Văn T và 07 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tổng cộng số tiền mua số lô, số đề của Bùi Thị D nhận qua tin nhắn và số tiền trúng thưởng là 54.903.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Y xét xử bị cáo Bùi Thị D theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H đã có hành vi bán số lô, số đề cho người qua đường không rõ tên, tuổi, địa chỉ, sau đó, tổng hợp số lô, số đề đã bán được, sử dụng điện thoại di động thông minh của mình, chụp ảnh gửi đến tài khoản của bị cáo Bùi Thị D qua mạng xã hội Zalo để hưởng phần trăm hoa hồng, cụ thể: Bị cáo Bùi Văn N đã bán số lô, số đề và số tiền đã trúng thưởng tổng cộng là 12.695.000 đồng; bị cáo Bùi Thị Q đã bán số lô, số đề và số tiền đã trúng thưởng tổng cộng là 10.985.000 đồng; bị cáo Lê Thị H đã bán số lô, số đề và số tiền đã trúng thưởng tổng cộng là 10.370.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Y xét xử các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng pháp luật.

Các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua, bán số lô, số đề được thua bằng tiền không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm pháp luật, song do háo hức, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo yêu cầu hưởng án treo.

[3.1] Đối với bị cáo Bùi Thị D.

Bị cáo Bùi Thị D bị xử phạt tù 03 năm; bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, như: Nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là phụ nữ, dân tộc thiểu số (Mường), hoàn cảnh gia đình khó khăn (bố đẻ chết, chồng chết), sống ở vùng 135 đặc biệt khó khăn; trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm là 20.000.000 đồng; bị cáo có bố đẻ (Bùi Thanh K), bố chồng (Bùi Văn C) đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; mẹ đẻ (Bùi Thị C) tham gia dân công hỏa tuyến trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Qua xem xét, khách quan, toàn diện vụ án, nhận thấy: Số tiền đánh bạc của bị cáo D là 54.903.000 đồng (mức đầu khung của khoản 2 Điều 321 BLHS), bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có tình tiết

giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đặc biệt, về nhân thân, bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Căn cứ theo Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy, không cần phải bắt bị cáo Bùi Thị D phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Việc bị cáo Bùi Thị D kháng cáo yêu cầu hưởng án treo là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H.

Các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H đều bị xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là tội ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Bùi Văn N có bố đẻ (Bùi Văn C) được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhì, có ông nội (Bùi Văn D) và bà nội (Bùi Thị E) được tặng Bằng vàng danh dự và được công nhận gia đình cách mạng gương mẫu. Bị cáo Bùi Thị Q có hoàn cảnh khó khăn, chồng chết, một mình nuôi hai con nhỏ đang độ tuổi đi học. Trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã nộp một phần tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm; đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H phạm tội không có tình tiết tăng nặng; vai trò thứ yếu. Đặc biệt, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, xét thấy, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H là có căn cứ, được chấp nhận.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Bùi Thị D; Luật sư bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn N và Bùi Thị Q đề nghị cho hai bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q được hưởng án treo là có căn cứ pháp luật, được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H. Sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H được hưởng án treo; đình chỉ

nội dung kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo Bùi Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo Bùi Văn N.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình: Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H hưởng án treo, cụ thể:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Thị D 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội đánh bạc, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Văn N 16 (mười sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Thị Q 16 (mười sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Thị H 16 (mười sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q, Lê Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Xác nhận bị cáo Bùi Thị D đã nộp đủ số tiền phạt bổ sung là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng); các bị cáo Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H, mỗi bị cáo đã nộp 3.000.000 (ba triệu đồng).

4. Các bị cáo Bùi Thị D, Bùi Văn N, Bùi Thị Q và Lê Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 26/01/2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo,
- UBND xã L.
- Người bào chữa;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu TH; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ